

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2022/DS-PT

Ngày 02-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 11 và 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Số 274/8, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị L - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Đức Q, sinh năm 1967 - Chủ Cơ sở mua bán thanh long XT. (có mặt).

2. Bà Phan Thị X, sinh năm 1969. (có mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: Số 95A, đường 3 tháng 2, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng địa chỉ tạm trú: Ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Long

An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (theo Giấy ủy quyền ngày 21/4/2022). (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Lê Thanh T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Số 49/18/5, đường Lê Anh X, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Đức Q, bà Phan Thị X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng L là thương lái thu mua thanh long của các hộ nông dân để bán lại cho các chủ vườn thanh long và từ năm 2018 ông có mua bán thanh long với kho thanh long XT. Vào ngày 10/12/2020 đến 04/01/2021, ông mua thanh long của nhà vườn về giao lại cho kho thanh long XT do ông Phạm Đức Q là chủ cơ sở, tọa lạc tại ấp 2, xã H với 11 đợt giao hàng được hai bên ký nhận với tổng số tiền là 1.096.956.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 10/12/2020 giao thanh long với số tiền là 65.585.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 13/12/2020: lần 1 ông giao thanh long với số tiền là 173.491.000 đồng; lần 2 ông giao thanh long cho kho là 66.155.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 16/12/2020, ông giao thanh long với số tiền là 206.509.000 đồng.

Đợt 4: Ngày 21/12/2020, ông giao thanh long với số tiền là 105.678.000 đồng.

Đợt 5: Ngày 23/12/2020: lần 1 ông giao thanh long với số tiền là 105.678.000 đồng; lần 2 ông thanh long với số tiền là 75.213.000 đồng; lần 3 ông giao thanh long với số tiền là 36.667.000 đồng.

Đợt 6: Ngày 27/12/2020: lần 1 ông giao thanh long với số tiền là 93.208.000 đồng; lần 2 ông giao thanh long với số tiền là 26.373.000 đồng.

Đợt 7: Ngày 29/12/2020: lần 1 ông giao thanh long với số tiền là 31.523.000 đồng; lần 2 ông giao thanh long với số tiền là 47.939.000 đồng.

Đợt 8: Ngày 30/12/2020, ông giao thanh long với số tiền là 18.693.000 đồng.

Đợt 9: Ngày 01/01/2021, ông giao thanh long với số tiền là 20.638.000 đồng.

Đợt 10: Ngày 02/01/2021, ông giao thanh long với số tiền là 19.966.000 đồng.

Đợt 11: Ngày 04/01/2021, ông giao thanh long với số tiền là 63.604.000

đồng.

Tổng số tiền hàng là 1.096.956.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán ông L đã nhiều lần yêu cầu ông Q bà X thanh toán, ông Q bà X hứa hẹn nhiều lần nhưng không thanh toán cho ông số tiền trên.

Nay ông L yêu cầu bà X, ông Q phải liên đới trả cho ông số tiền hàng còn nợ là 1.237.366.368 đồng gồm 1.096.956.000 đồng tiền vốn và 140.410.368 đồng tiền lãi chậm trả.

Bị đơn là ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X do ông Lê Văn L1 là người đại diện trình bày:

Vợ chồng ông Q bà X với bà T là đối tác làm ăn, bà T không phải nhân viên của Cơ sở mua bán thanh long XT, ông Q không có ký hợp đồng lao động với bà T. Việc ông L bán thanh long cho bà T đó là quan hệ làm ăn giữa hai bên, cơ sở mua bán thanh long không liên quan. Tại thời điểm ông L bán thanh long cho bà T, cơ sở mua bán thanh long XT không mua trực tiếp thanh long từ nông dân hay thương lái và khi mua thanh long của bà T, cơ sở đã trả tiền đầy đủ cho bà T theo khối lượng. Các giấy nợ bà T lập, thỏa thuận với ông L, cơ sở không biết, không ký tên nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa ông L1 xác định cơ sở chỉ cho bà T mượn địa điểm để mua bán thanh long với thương lái, bà T có bán thanh long cho các thương lái khác nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ, người làm chứng khác.

Bà Nguyễn Lê Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà là người làm thuê cho bà X, ông Q (quản lý kho, khi thương lái bán thanh long đến thì bà báo lại cho bà X, thư ký bà X cân trọng lượng thanh long và đăng trên nhóm Zalo của kho XT), bà lĩnh lương hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, trung bình mỗi tháng là 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng (số tiền được hưởng trên đầu tấn thanh long mua vào cho kho thanh long XT).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Phạm Đức Q - Chủ Cơ sở mua bán thanh long X và bà Phan Thị X.

2. Buộc ông Phạm Đức Q - Chủ Cơ sở mua bán thanh long XT và bà Phan Thị X phải liên đới trả cho ông L 1.096.956.000 đồng tiền vốn mua bán và lãi chậm trả là 140.410.368 đồng, tổng cộng là 1.237.366.368 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chậm thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 12/8/2022, Tòa án nhân dân huyện C nhận được đơn kháng cáo của ông Phạm Đức Q, bà Phan Thị X là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu

Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; ông Q, bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà T và bà X ông Q thống nhất trình bày:

Cơ sở mua bán thanh long XT chỉ cho bà T mượn kho chứ không phải cho bà T thuê vì bà T là đối tác lớn thường xuyên của kho, là nguồn thu lợi nhuận cho kho. Bà T là người thu mua thanh long của các thương lái sau đó đóng thanh long thành phẩm rồi bán lại cho cơ sở XT, cơ sở mới xuất khẩu thanh Long sang Trung Quốc. Việc mua bán giữa bà T với ông L là quan hệ độc lập giữa hai bên, kho XT không biết và không liên quan. Còn việc mua bán giữa bà T với kho XT cũng là độc lập, không liên quan gì với ông L, từ trước đến nay kho XT không trực tiếp giao dịch với nông dân hay với thương lái như ông L mà chỉ giao dịch với các kho khác trong tỉnh hoặc với bà T, việc mua bán với bà T đã thanh toán tiền đầy đủ.

Trước đây bà T khai là nhân viên của kho là do bà T mắc nợ với số tiền quá lớn, bị áp lực gia đình nên khai vậy để không chịu trách nhiệm, chứ thực sự bà T chỉ giao dịch mua bán với kho, không phải là nhân viên của kho, bà T không hề có hợp đồng lao động với bà X ông Q. Vì vậy không có cơ sở để cho rằng bà X ông Q là người mua thanh long của ông L như bản án sơ thẩm xác định, do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

Luật sư Phạm Thị L và ông Nguyễn Hoàng L thống nhất trình bày:

Ông L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây và khẳng định bà T chỉ là nhân viên của kho XT nên trách nhiệm trả nợ cho ông là của bà X và ông Q. Chứng minh cho lời trình bày này thể hiện bởi các chứng cứ như sau:

Các biên nhận mà bà T ghi tính số lượng hàng và tiền hàng cho ông L đều là biên nhận của cơ sở XT (cụ thể ghi Vừa trái cây XT); tin nhắn trên nhóm zalo thể hiện bà X ông Q là chủ cơ sở, bà T là nhân viên; lời khai của 8 người làm chứng xác định bà T chỉ là nhân viên; các chứng từ sao kê tài khoản thể hiện bà X chuyển khoản cho bà T để thanh toán tiền mua thanh long cho khách hàng, để trả lương cho bà T và cho công nhân khác; đoạn ghi âm giữa ông Q, bà X và bà T có giọng bà X nói bà T là nhân viên.

Với chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà X ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Tại các biên nhận mua bán hàng giữa các bên thể hiện việc mua bán của kho XT với ông L diễn ra lâu dài, sau khi giao hàng xong ông L được kho thanh long XT xuất biên nhận giao hàng ghi rõ số lượng hàng hóa, số tiền cụ thể, biên nhận có tên “*vựa trái cây XT*” là có cơ sở xác định giữa ông L với bà X, ông Q có phát sinh quan hệ mua bán.

Bà X ông Q xác nhận kho XT hoạt động trước khi bà T về kho và cho rằng khi bà T về kho thì bà X cho bà T mượn kho để mua thanh long bán lại cho bà và ông Q, bà X không trực tiếp mua thanh long của thương lái, ông bà không ký tên vào các biên nhận. Tuy nhiên, việc ông bà đồng ý cho bà T xuất các biên nhận của kho “XT” trong một thời gian dài mà không thông báo trước cho các thương lái biết là bà T chỉ là đối tác làm ăn với ông bà; đồng thời không có gì chứng minh kể cả quyền sở bà X cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm cũng không thể hiện có việc mua bán giữa bà X và bà T. Theo các sao kê ngân hàng có ghi cô X chuyển cho T trả tiền hàng, trả lương công nhân và bà X có thông báo chuyển lương cho bà T qua các tin nhắn; ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An xác minh và kết luận bà T là người làm thuê tại kho thanh long XT do đó đủ cơ sở xác định bà T là nhân viên kho XT nên lời khai lại của bà T cùng với lời khai của bà X, ông Q cho rằng bà T không phải là nhân viên của kho là không có căn cứ.

Như vậy, bản án sơ thẩm xử là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà X, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Ông Q, bà X kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Ông L là bên bán thanh long, người trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán và trả tiền cho ông L là bà T, chứng từ mua bán giữa ông L với bà T chỉ có các biên nhận do bà T ghi số lượng hàng và tiền hàng còn việc thanh toán bằng tiền mặt, không có biên nhận về việc thanh toán.

[5] Quá trình giải quyết vụ án ông L cho rằng bà T là nhân viên của cơ sở XT do ông Q làm chủ; còn bà X, ông Q luôn khai rằng bà T chỉ là đối tác trong giao dịch mua bán thanh long với cơ sở XT, không phải là nhân viên, không hề có hợp đồng lao động với cơ sở XT, việc bà T sử dụng kho của XT là do bà X, ông Q cho mượn do bà T là đối tác lớn mang lại nhiều lợi nhuận cho cơ sở; bà T tại cấp sơ thẩm thì khẳng định bà chỉ là nhân viên của kho XT nhưng tại cấp phúc thẩm thì có lời khai lại cho rằng bà không phải là nhân viên, chỉ là đối tác mua bán thanh long với kho XT, khoản tiền nợ mua thanh long của ông L là trách nhiệm của bà T, không liên quan đến cơ sở XT.

[6] Tuy nhiên, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và vừa cung cấp tại cấp phúc thẩm, được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7] Kho XT không cung cấp được tài liệu, sổ sách, chứng từ, hợp đồng, hóa đơn mua bán, thanh toán có thể hiện bên bán là bà T còn bên mua là kho XT. Tại tòa phúc thẩm cơ sở XT có cung cấp quyền sở và các giấy tờ chỉ thể hiện việc nhập kho, xuất kho có tên bà T nhưng không thể hiện được bà T là bên bán hàng còn cơ sở mua bán thanh long XT do ông Q làm chủ là bên mua hàng.

[8] Trong khi đó các biên nhận do bà T ghi (về số lượng hàng và tiền hàng) là bằng chứng xác lập về giao dịch mua bán với ông L đều là các biên nhận của kho XT, bà X ông Q cũng thừa nhận các biên nhận này là của kho XT. Các tin nhắn trên zalo không thể hiện bà X với bà T cùng những người trong nhóm là các đối tác mua bán với nhau mà thể hiện có quan hệ quản lý của bà X. Lời khai của 8 người làm chứng có trong hồ sơ vụ án (gồm Nguyễn Thị Thúy K, Hà Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị H2, Lê Thị Thanh H, Mai Thị Loan E, Trần Thị Thu T, Nguyễn Thị Ngọc Tr và Huỳnh Quốc H) đều cho rằng họ là nhân viên trong đó có bà T của cơ sở XT và ở cấp sơ thẩm bà T cũng khai như vậy (thể hiện tại các biên bản lấy lời khai, bản tự khai và biên bản đối chất). Đồng thời các sao kê chứng từ chuyển khoản từ bà X cho bà T từ bút lục số 198 – 201, từ 250 – 266 thì rất nhiều lần chuyển khoản do bà X ghi nội dung chuyển khoản là “*chuyển cho T trả tiền hàng, chuyển trả lương T, chuyển T trả lương công nhân*”. Đoạn ghi âm trong cuộc hội thoại giữa bà X ông Q với bà T được bà X thừa nhận giọng nói của mình có nội dung bà X nói bà T là công nhân và bà T là người nhận lương tháng. Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An xác minh và kết luận bà T là người làm thuê tại kho thanh long XT dựa trên đơn tố giác tội phạm của ông Q bà X đối với bà T trình bày bà T là người làm thuê cho cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn khai tất cả nhân viên tại cơ sở XT đều không có ký hợp đồng lao động nên bị đơn cho rằng phải có hợp đồng lao động thì bà T mới là nhân viên của cơ sở là không phù hợp. Do đó đủ cơ sở xác định bà T là nhân viên kho XT nên lời khai lại của bà T cùng với lời khai của bà X, ông Q cho

rằng bà T không phải là nhân viên của kho là không có căn cứ do không phù hợp với các chứng cứ khác.

[9] Việc bị đơn khai khi bà T về hợp tác tại kho XT thì cơ sở cho bà T mượn kho để mua thanh long, sau đó bà T đóng thanh long thành phẩm bán lại cho cơ sở nên bà T tiếp tục sử dụng biên nhận “*vựa trái cây XT*” để giao dịch. Tuy nhiên, bị đơn với tư cách là chủ cơ sở đã không thông báo cho các thương lái biết việc bà T thu mua thanh long với tư cách cá nhân của bà T và bị đơn biết sự việc bà T sử dụng biên nhận của kho XT để mua thanh long nhưng không phản đối hay ý kiến gì là không phù hợp, trường hợp có sự việc như trên thì bị đơn vẫn là bên có trách nhiệm trong giao dịch mua bán với thương lái.

[10] Từ những chứng cứ, tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Cơ sở mua bán thanh long XT là bên mua thanh long và ông L là bên bán thanh long, bà T chỉ là nhân viên đại diện cho vựa thanh long nhận hàng và thanh toán tiền hàng cho ông L. Do đó cấp sơ thẩm xử buộc ông Q bà X liên đới trả tiền hàng còn nợ cho ông L là có cơ sở. Bà X ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến trình bày của luật sư, nguyên đơn và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[11] Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 288, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L đối với ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X phải liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng L số tiền còn nợ là 1.237.366.368đ (một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) gồm 1.096.956.000 đồng tiền vốn và 140.410.368 đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông L được nhận lại 25.950.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000910 ngày 15 tháng 3 năm 2021, biên lai thu số 0007852 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Long An.

- Ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 49.120.991 đồng (bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn chín trăm chín mươi một đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Đức Q và bà Phan Thị X phải liên đới chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008034, số 0008035 cùng ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án huyện C; hoàn trả cho ông Q và bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc